



ĐỀ MINH HỌA KTCT - trắc nghiệm

Kinh tế chính trị mác-lênin (Trường Đại học Cần Thơ)



Scan to open on Studocu

ĐỀ MINH HỌA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Câu 1: Lao động cụ thể là nguồn gốc của:

- A. Mọi của cải và giá trị sử dụng của hàng hóa
- B. Giá trị của hàng hóa
- C. Mọi của cải
- ☒ D. Giá trị sử dụng của hàng hóa

Câu 2. Giá trị cá biệt của hàng hóa do

- A. Hao phí lao động của ngành quyết định
- ☒ B. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định
- C. Tất cả các đáp án đều đúng
- D. Hao phí lao động giản đơn trung bình quyết định

Câu 3. Lượng giá trị xã hội của hàng hóa được quyết định bởi

- ☒ A. Thời gian lao động xã hội cần thiết
- B. Hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa
- C. Hao phí lao động cần thiết của người sản xuất hàng hóa
- D. Hao phí vật tư kỹ thuật

Câu 4. Giá trị của TLSX đã tiêu dùng tham gia vào giá trị của hàng hóa như thế nào?

- ☒ A. Không tham gia tạo thành giá trị mới của sản phẩm
- B. Tham gia tạo thành giá trị mới của sản phẩm
- C. Được bảo toàn và dịch chuyển vào giá trị của hàng hóa nhờ vào lao động cụ thể
- D. Không tham gia vào hình thành giá trị sản phẩm

Câu 5. Thế nào là tăng cường độ lao động? Chọn câu trả lời đúng:

- A. Tất cả đáp án đều sai
- ☒ B. Số lượng hàng hóa làm ra trong một đơn vị thời gian tăng và hao phí sức lao động tăng lên tương ứng
- C. Tổng số lượng hàng hóa làm ra nhiều hơn trong khi tổng giá trị của chúng không thay đổi

D. Giá trị một đơn vị hàng hóa giảm còn tổng giá trị hàng hóa tăng lên

Câu 6. Quan hệ phân phối bị chi phối và quyết định bởi

A. Quan hệ chiếm đoạt

B. Quan hệ trao đổi

☒ C. Quan hệ sở hữu

D. Tất cả đều đúng

Câu 7. Phát biểu nào đúng về công thức chung của tư bản?

A. Công thức chung của tư bản là $H - T - H$

☒ B. Công thức chung của tư bản là $T - H - T'$

C. Công thức chung của tư bản chỉ đúng trong ngành công nghiệp

D. Công thức chung của tư bản cho thấy mua bán trao đổi là nguồn gốc của giá trị thặng dư

Câu 8. Vai trò của cách mạng công nghiệp. Chọn phương án sai trong các phương án sau:

A. Cách mạng công nghiệp thúc đẩy lực lượng sản xuất

B. Cách mạng công nghiệp thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất

☒ C. Cách mạng công nghiệp thúc đẩy phân hóa giàu nghèo

D. Cách mạng công nghiệp thúc đẩy đổi mới quản trị phát triển

Câu 9. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền là:

A. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật cho phép tư bản đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất và hình thành các ngành sản xuất có quy mô lớn ngay từ khi ra đời

B. Sự cạnh tranh khốc liệt làm phá sản các nhà tư bản nhỏ và sự tập trung tư bản vào trong tay một số ít nhà tư bản

C. Sự phát triển của hệ thống tín dụng TBCN, sự hình thành các công ty cổ phần và thị trường chứng khoán

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 10. Bản chất của lợi nhuận là gì?

- A. Là hiệu số giữa tổng giá trị hàng hóa và tư bản bất biến
- B. Là kết quả của việc mua rẻ, bán mắc
- C. Tất cả các đáp án đều đúng
- ☒ D. Là giá trị thặng dư khi được coi là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước

Câu 11. Một người nhận khoản công việc khi hoàn thành nhận được một số lượng tiền thì đó là

- A. Tiền công thực tế
- B. Tiền công tính theo thời gian và tiền công danh nghĩa
- ☒ C. Tiền công danh nghĩa
- D. Tiền công tính theo thời gian

Câu 12. Nhân loại đã và (đang) trải qua bao nhiêu cuộc cách mạng công nghiệp?

- A. 2
- B. 3
- ☒ C. 4
- D. 5

Câu 13. Giá cả của hàng hóa là:

- A. Giá trị của hàng hóa
- B. Quan hệ về lượng giữa hàng và tiền
- C. Tổng của chi phí sản xuất và lợi nhuận
- ☒ D. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa

Câu 14. Thành phần kinh tế nào cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam là?

- A. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- ☒ B. Kinh tế tập thể
- C. Kinh tế nhà nước

D. Kinh tế tư nhân

Câu 15. Thành phần kinh tế đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là

- A. Kinh tế tư nhân
- B. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- C. Kinh tế tập thể
- ☒ D. Kinh tế nhà nước

Câu 16. Kết quả cạnh tranh giữa các ngành hình thành

- ☒ A. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
- B. Giá cả sản xuất
- C. Lợi nhuận độc quyền
- D. Lợi nhuận siêu ngạch

Câu 17. Mâu thuẫn cơ bản trong sản xuất hàng hóa là mâu thuẫn giữa

- A. Giá trị và giá trị sử dụng
- ☒ B. Lao động tư nhân và lao động xã hội
- C. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng
- D. Lao động giản đơn và lao động phức tạp

Câu 18. Một vài đặc điểm của tư bản cho vay là

- A. Quyền sở hữu gắn liền với quyền sử dụng
- ☒ B. Quyền sở hữu tách rời khỏi quyền sử dụng
- C. Tư bản cho vay là loại hàng hóa đặc biệt
- D. Quyền sở hữu tách rời quyền quản lý

Câu 19. Nhận định nào đúng về mối quan hệ giữa lao động cụ thể và lao động trừu tượng

- ☒ A. Là hai mặt của cùng một quá trình lao động của người sản xuất hàng hóa
- B. Tất cả các đáp án đều đúng
- C. Là hai mặt lao động khác nhau để sản xuất ra hàng hóa
- D. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng không có mối quan hệ gì với nhau

Câu 20. Nhận định nào đúng về quy luật kinh tế

- A. Quy luật kinh tế phụ thuộc vào trình độ nhận thức của con người
- B. Quy luật kinh tế phụ thuộc vào ý muốn của con người
- ☒ C. Quy luật kinh tế mang tính khách quan
- D. Tất cả đều đúng

Câu 21. Có mấy nguyên nhân dẫn đến sự chuyển hoá của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền (có thể cô không hỏi)

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 22. Mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và quy luật kinh tế

- A. chính sách kinh tế là cơ sở của quy luật kinh tế
- B. không có mối quan hệ nào
- ☒ C. quy luật kinh tế là cơ sở của chính sách kinh tế
- D. là cơ sở của nhau

Câu 23. Lợi nhuận là:

- ☒ A. Hình thức biến tướng của giá trị thặng dư.
- B. Tỷ lệ phần lãi trên tổng số tư bản.
- C. Tiền công mà doanh nhân tự trả cho mình
- D. Hiệu số giữa giá trị hàng hoá và chi phí sản xuất

Câu 24. Hao mòn tư bản cố định có 2 loại

- A. Hao mòn tự nhiên và hao mòn vô hình
- B. Hao mòn tự nhiên và hao mòn hữu hình
- ☒ C. Hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình
- D. Hao mòn vô hình và hao mòn tự nhiên

Câu 25. Thuật ngữ khoa học kinh tế chính trị được đưa ra lần đầu tiên vào năm nào?

- ☒ A. 1615

- B. 1715
- C. 1815
- D. 1915

Câu 26. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối

- A. Được thực hiện bằng cách kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, các yếu tố khác không thay đổi
- B. Được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian lao động tất yếu, tăng thời gian lao động thặng dư lên tương ứng trong khi ngày lao động có độ dài không đổi**
- C. Được thực hiện bằng cách tăng năng suất vad kéo dài thời gian lao động tất yếu
- D. Được thực hiện bằng cách tăng thời gian lao động tất yếu giảm thời gian lao động thặng dư tương ứng trong khi ngày lao động có độ dài không đổi

Câu 27. Mục tiêu cơ bản, quan trọng nhất của kinh tế thị trường định hướng xã hội ở Việt nam:

- A. Thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**
- B. Phát triển kinh tế
- C. Xây dựng cơ sở vật chất
- D. Tăng trưởng kinh tế

Câu 28. Tỷ suất lợi nhuận bình quân là

- A. Tỷ suất lợi nhuận độc quyền cao ~~của một ngành~~
- B. Tỷ suất lợi nhuận ~~độc quyền~~ của các ngành
- C. Tỷ suất lợi nhuận trung bình của các ngành**
- D. Tỷ suất lợi nhuận trung bình của ~~một ngành~~

Câu 29. Cạnh tranh giữa các ngành là

- A. Cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong cùng một ngành
- B. Cạnh tranh giữa các nhà tư bản ở các nước khác nhau
- C. Cạnh tranh giữa các nhà sản xuất ở các ngành khác nhau**
- D. Cạnh tranh giữa các nhà sản xuất ở các nước khác nhau

Câu 30. Khái quát quá trình phát triển tư tưởng kinh tế có thể chia thành mấy giai đoạn

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 31. Nhận định nào sai về quy luật giá trị trong CNTB độc quyền?

- A. Quy luật giá trị không hoạt động trong giai đoạn CNTB độc quyền
- B. Quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả độc quyền
- C. Giá trị vẫn là cơ sở hình thành nên giá cả hàng hóa, tổng giá trị bằng tổng giá cả hàng hóa
- D. Quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả độc quyền

Câu 32. Ở xí nghiệp X, sau khi bán được hàng hóa, nhà tư bản thu được khoản lợi nhuận là 200 USD. Tư bản khả biến là 200 USD, cấu tạo hữu cơ tư bản(c/v) = 3/1. Giả định giá cả = giá trị, nhà tư bản không phải nộp thuế và các loại phí khác. Tỷ suất giá trị thặng dư của xí nghiệp là:

- A. 200%
- B. 250%
- C. 150%
- D. 100%

$$\frac{m}{v}$$

$$v = 200, p = 200 = m$$

Câu 33. Tại sao trong chủ nghĩa tư bản độc quyền, cạnh tranh không bị thủ tiêu?

- A. Vì các tổ chức độc quyền cạnh tranh với nhau
- B. Vì bản chất của độc quyền vẫn dựa trên cơ sở của sản xuất hàng hóa mà trong đó cạnh tranh là quy luật khách quan của nó
- C. Vì các xí nghiệp trong nội bộ các tổ chức độc quyền cạnh tranh với nhau
- D. Vì các tổ chức độc quyền cạnh tranh với các xí nghiệp ngoài độc quyền

Câu 34. Nhận định nào sau đây sai về giá trị hàng hóa?

A. Giá trị hàng hóa là thuộc tính xã hội của hàng hóa

☒ B. Giá trị hàng hóa thuộc tính tự nhiên, tồn tại trong mọi chế độ xã hội

C. Giá trị hàng hóa biểu hiện mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa

D. Giá trị hàng hóa là phạm trù có tính lịch sử

Câu 35. Để ra sức chiếm đoạt giá trị thặng dư, các nhà tư bản có thể sử dụng phương pháp bóc lột nào?

A. Tăng cường độ lao động

B. Kéo dài thời gian lao động

C. Tăng năng suất lao động

☒ D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 36. Phát biểu nào đúng về phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối?

A. Bằng cách rút ngắn thời gian lao động tất yếu, tăng thời gian lao động thặng dư trong khi ngày lao động có độ dài không đổi

B. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối chỉ tồn tại trong thời kì đầu của CNTB, hiện nay không còn nữa

☒ C. Được thực hiện bằng cách kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 37. Trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư, phát biểu nào sai về vai trò của tư bản bất biến?

A. Tư bản tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu, nó không tạo ra giá trị thặng dư

B. Tư bản bất biến là điều kiện không thể thiếu để sản xuất giá trị thặng dư nhưng nó không sinh ra giá trị thặng dư

C. Là tư bản mà giá trị của nó được bảo toàn và dịch chuyển vào giá trị của sản phẩm

☒ D. Là tư bản dùng để mua sức lao động có lượng lớn hơn thông qua quá trình sản xuất hay nó mang về giá trị thặng dư

Câu 38. Nhận định nào sai về hiện tượng lạm phát?

- A. Lạm phát trở nên phổ biến khi tiền giấy được sử dụng thay cho tiền vàng
- B. Lạm phát là hiện tượng tăng giá chung của toàn bộ nền kinh tế
- ☒ C. Lạm phát làm tăng sức mua của đồng tiền
- D. Lạm phát sẽ dẫn đến sự bóp méo các hoạt động kinh tế

Câu 39. Khối lượng giá trị thặng dư phản ánh điều gì?

- A. Trình độ bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê
- B. Phạm vi bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê
- ☒ C. Quy mô bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê
- D. Khả năng bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Câu 40. Lợi nhuận là gì?

- ☒ A. Là giá trị thặng dư khi được so sánh với toàn bộ chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa
- ~~B. Là kết quả của việc mua bán, trao đổi, nó không phải là kết quả của bóc lột lao động làm thuê~~
- ~~C. Là giá trị thặng dư khi được so sánh với tư bản khả biến~~
- ~~D. Là giá trị thặng dư khi được so sánh với tư bản bất biến~~

Câu 41. Nhà tư bản chủ cần bán hàng với mức giá nào thì có lợi nhuận?

- A. Khi bán hàng bằng chi phí sản xuất TBCN
- ☒ B. Khi bán hàng cao hơn giá trị hàng hóa
- C. Khi bán hàng bằng giá trị hàng hóa
- D. Khi bán hàng bằng chi phí sản xuất TBCN

$$100000 = m + c + v$$

Câu 42. Công ty X có tình hình sản xuất kinh doanh như sau: Số lượng sản phẩm sản xuất được là 100, giá cả: 1000/sản phẩm; Toàn bộ chi phí tiền công là 10.000; Tỷ suất lợi nhuận sau khi bán hàng là 25%. Giả định hàng hóa bán đúng giá trị, giá trị tư liệu sản xuất chuyển hết vào trong hàng hóa. Lợi nhuận của xí nghiệp là:

- A. 22.500
- ☒ B. 20.000
- C. 25.000

$$10\ 000 \cdot$$

$$P = m$$

$$25\% = \frac{m}{c + v}$$

$$< 10000$$

D. 30.000

Câu 43. Sản xuất hàng hóa dựa trên:

- A. Phân công lao động cá biệt và chế độ tư hữu tư liệu sản xuất.
- B. Phân công lao động chung và chế độ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất.
- ☒ C. Phân công lao động và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất.
- D. Phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu hoặc những hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất

Câu 44. Bản chất của địa tô TBCN là gì?

- A. Là một phần của giá trị thặng dư nằm trong lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản trả cho địa chủ để được sử dụng đất
- B. Tất cả các đáp án đều đúng
- C. Là phần lợi nhuận siêu ngạch, ngoài lợi nhuận bình quân, do đất đai sinh ra mà nhà tư bản phải trả cho địa chủ
- ☒ D. Là bộ phận lợi nhuận siêu ngạch do lao động nông nghiệp tạo ra, nằm ngoài lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản nông nghiệp phải trả cho địa chủ

Câu 45. Lượng giá trị của hàng hóa sức lao động được xác định như thế nào?

- A. Do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó quy định
- B. Được xác định gián tiếp bằng giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết để nuôi sống công nhân và gia đình họ
- C. Lượng giá trị hàng hóa sức lao động bao hàm cả yếu tố lịch sử, tinh thần
- ☒ D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 46. Công ty cổ phần là

- ☒ A. Doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của một số người thông qua phát hành cổ phiếu
- B. Doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của một số người thông qua phát hành trái phiếu

- C. Doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của ~~một người~~ thông qua phát hành cổ phiếu
- D. Doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của một người thông qua phát hành ~~trái phiếu~~

Câu 47. Thể chế là:

- ☒ A. Những quy tắc, pháp luật, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hoạt động của con người trong một chế độ xã hội
- B. Những quy định do con người đặt ra
- C. Những nguyên tắc ứng xử nhằm điều chỉnh hành vi của con người
- D. Tất cả đều sai

Câu 48. Khi nghiên cứu tái sản xuất xã hội, Marx chia kinh tế ra thành 2 khu vực

- A. Sản xuất máy móc và sản xuất ra tư liệu tiêu dùng
- B. Sản xuất hàng công nghiệp và sản xuất hàng nông nghiệp
- ☒ C. Sản xuất tư liệu sản xuất và sản xuất tư liệu tiêu dùng
- D. Sản xuất tư liệu sản xuất và sản xuất hàng nông nghiệp

Câu 49. Cấu thành lượng giá trị của hàng hóa gồm:

- A. Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v)
- B. Tư bản bất biến (c) và giá trị thặng dư (m)
- C. Giá trị thặng dư (m) và tư bản khả biến (v)
- ☒ D. Tư bản bất biến (c), tư bản khả biến (v) và giá trị thặng dư (m)

Câu 50. Tích lũy, tích tụ và tập trung tư bản có quan hệ như thế nào? Xem lại

- A. Tập trung tư bản sẽ đẩy nhanh quá trình tích lũy, tích tụ tư bản
- ☒ B. Tích tụ tư bản là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản
- C. Tích tụ tư bản là điều kiện tất yếu dẫn đến tập trung tư bản
- D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 51. Nhận định nào đúng về mối quan hệ giữa tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất giá trị thặng dư?

- A. Tỷ suất giá trị thặng dư và tỷ suất lợi nhuận không có mối quan hệ gì
- B. Tỷ suất lợi nhuận bằng tỷ suất giá trị thặng dư
- C. Tỷ suất lợi nhuận cao hơn tỷ suất giá trị thặng dư khi mua bán hàng hóa đúng với giá trị
- D. **Tỷ suất giá trị thặng dư luôn cao hơn tỷ suất lợi nhuận**

Câu 52. Cạnh tranh trong nội bộ ngành sẽ

- A. Hình thành lợi nhuận bình quân
- B. Hình thành giá cả thị trường của hàng hóa
- C. Hình thành giá cả sản xuất
- D. **Hình thành giá trị thị trường của hàng hóa**

Câu 53. Nhận định nào đúng về giá trị thặng dư?

- A. Là một phần của giá trị mới
- B. Là thành quả lao động của công nhân làm thuê
- C. Giá trị thặng dư thuộc về nhà tư bản
- D. **Tất cả các đáp án đều đúng**

Câu 54. Phát biểu nào sai về quy luật giá trị

- A. **Quy luật giá trị làm giảm sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập**
- B. Quy luật giá trị làm cho hàng hóa lưu chuyển từ nơi giá thấp đến nơi giá cao
- C. Quy luật giá trị điều tiết cả sản xuất và lưu thông hàng hóa
- D. Quy luật giá trị thúc đẩy tăng năng suất lao động, phát triển lực lượng sản xuất

Câu 55. Nguồn gốc của lợi tức là

- A. Một phần tiền công của công nhân làm thuê
- B. **Một phần giá trị thặng dư do công nhân làm thuê tạo ra trong sản xuất**
- C. Toàn bộ giá trị thặng dư do công nhân làm thuê tạo ra trong sản xuất
- D. Một phần lợi nhuận do công nhân làm thuê tạo ra trong sản xuất

Câu 56. Tại sao phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

- A. Do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam còn chưa đồng bộ
- B. Hệ thống thể chế còn chưa đầy đủ
- C. Hệ thống thể chế còn kém hiệu lực, hiệu quả
- D. Tất cả đều đúng**

Câu 57. Tỷ suất lợi nhuận bình quân là

- A. Tỷ suất lợi nhuận trung bình của một ngành
- B. Tỷ suất lợi nhuận độc quyền của các ngành
- C. Tỷ suất lợi nhuận trung bình của các ngành**
- D. Tỷ suất lợi nhuận độc quyền cao của một ngành

Câu 58. Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện vào khoảng thời kỳ lịch sử nào?

- A. Cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18
- B. Cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19
- C. Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20**
- D. Từ sau thế chiến thứ 2

2

Câu 59. Để kinh doanh nông nghiệp, nhà tư bản có thể phải nộp loại địa tô nào?

- A. Địa tô chênh lệch
- B. Địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối
- C. Địa tô phong kiến
- D. Địa tô tuyệt đối**

Câu 60. Thể chế kinh tế là:

☒ A. Hệ thống quy tắc, pháp luật, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế sản xuất. Kinh doanh và các quan hệ kinh tế

B. Những quy định do con người đặt ra

C. Những nguyên tắc ứng xử nhằm điều chỉnh hành vi của con người

D. Những quy tắc, pháp luật, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hoạt động của con người trong một chế độ xã hội

Câu 61. Tiền công là

A. Giá cả của lao động

B. Giá trị của sức lao động

C. Giá trị của lao động

☒ D. Giá cả của sức lao động

Câu 62. Về bản chất, lợi nhuận và giá trị thặng dư đều là kết quả

☒ A. Lao động không công của công nhân làm thuê

B. Lao động trù tượng của công nhân

C. Lao động cụ thể của công nhân

D. Lao động phức tạp của công nhân

Câu 63. Tỷ suất lợi tức là

☒ A. Tỷ lệ phần trăm giữa lợi tức với tổng tư bản cho vay

B. Tỷ lệ phần trăm giá trị thặng dư với tổng tư bản cho vay

C. Tỷ lệ phần trăm giá trị thặng dư với tư bản khả biến

D. Tỷ lệ phần trăm giữa lợi tức với tổng tư bản khả biến

Câu 64. Thế nào là sở hữu

- A. Là sự chiếm đoạt các nguồn lực xã hội
- B. Tất cả đều đúng
- ☒ C. Là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội trên cơ sở chiếm hữu nguồn lực sản xuất
- D. Là quan hệ giữa con người và tự nhiên

Câu 65. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa biểu hiện ra thành

- ☒ A. Lao động tư nhân và lao động xã hội.
- B. Lao động giản đơn và lao động phức tạp.
- C. Lao động quá khứ và lao động sống.
- D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 66. Nhận định nào về hàng hóa là đúng?

- A. Bất kỳ sản phẩm nào đem trao đổi là hàng hóa
- B. Bất kỳ sản phẩm nào của lao động là hàng hóa
- ☒ C. Bất kỳ sản phẩm của lao động nào khi được trao đổi là hàng hóa
- D. Bao gồm những sản phẩm của tự nhiên và của lao động tạo ra

Câu 67. Ở công ty X có tình hình sản xuất kinh doanh như sau: Số lượng sản phẩm sản xuất được là 100, giá cả: 1000/sản phẩm; Toàn bộ chi phí tiền công là 10.000; Tỷ suất lợi nhuận sau khi bán hàng là 25%. Giả định hàng hóa bán đúng giá trị, giá trị tư liệu sản xuất chuyển hết vào trong hàng hóa. Tổng giá trị của toàn bộ hàng hóa là:

- A. 90.000
- B. 80.000
- C. 100.000
- D. 110.000

Câu 68. Lợi ích kinh tế là:

- ☒ A. Là lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người
- B. Là lợi ích thu được thông qua hoạt ~~tinh thần~~
- C. Là lợi ích thu được thông qua hoạt ~~xã hội~~
- D. Là lợi ích có được do chiếm đoạt của người ~~khác~~

Câu 69. Các tổ chức độc quyền quốc tế thường:

- A. Cạnh tranh khốc liệt với nhau để phân chia thị phần quốc tế
- B. Có thể thỏa hiệp để cùng nhau kiếm lợi từ vị thế độc quyền (giảm sản lượng, nâng giá bán)
- ☒ C. Vừa cạnh tranh, vừa thỏa hiệp và hợp tác với nhau
- D. Luôn thỏa hiệp với nhau để lũng đoạn thị trường

Câu 70. Phát biểu nào đúng về giá trị thặng dư siêu ngạch

- A. Giá trị thặng dư siêu ngạch và giá trị thặng dư tương đối cùng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động
- B. Giá trị thặng dư có được do tăng năng suất lao động cá biệt cao hơn năng suất lao động xã hội
- ☒ C. Tất cả điều đúng

Câu 71. Để nghiên cứu kinh tế- chính trị Mác- Lênin có thể sử dụng nhiều phương pháp, phương pháp nào quan trọng nhất?

- ☒ A. Trừu tượng hóa khoa học
- B. Thống kê
- C. Mô hình hóa
- D. Logic lịch sử

Câu 72. Ở xí nghiệp X, sau khi bán được hàng hóa, nhà tư bản thu được khoản lợi nhuận là 200 USD. Tư bản khả biến là 200 USD, cấu tạo hữu cơ tư

bản(c/v) = 3/1. Giả định giá cả = giá trị, nhà tư bản không phải nộp thuế và các loại phí khác. Tỷ suất lợi nhuận của xí nghiệp là:

- A. 20%
- B. 25%**
- C. 30%
- D. 15%

$\bar{v} = 200$ $c = 600$, $p = 200$

Câu 73. Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là

- A. Sử dụng năng lượng nước là hơi nước để cơ khí hóa sản xuất (giữa tk 18 đến giữa tk 19)**
- B. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra dây chuyền SX hàng loạt
- C. Sử dụng công nghệ thông và máy tính để tự động hóa sản xuất
- D. Liên kết giữa thực và ảo để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất

Câu 74. Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. Sử dụng năng lượng nước là hơi nước để cơ khí hóa sản xuất
- B. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra dây chuyền SX hàng loạt (nửa cuối tk 19 đến đầu tk 20)**
- C. Sử dụng công nghệ thông và máy tính để tự động hóa sản xuất
- D. Liên kết giữa thực và ảo để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất

Câu 75. Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. Sử dụng năng lượng nước là hơi nước để cơ khí hóa sản xuất
- B. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra dây chuyền SX hàng loạt

C. Sử dụng công nghệ thông tin và máy tính để tự động hóa sản xuất (năm 60 nửa cuối tk 20 đến cuối tk 20)

D. Liên kết giữa thực và ảo để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất

Câu 76. Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là

A. Sử dụng năng lượng nước là hơi nước để cơ khí hóa sản xuất

B. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra dây chuyền SX hàng loạt

C. Sử dụng công nghệ thông tin và máy tính để tự động hóa sản xuất

D. Liên kết giữa thực và ảo để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất (2010 đến nay)

Câu 77. Điểm khác nhau giữa tích tụ tư bản và tập trung tư bản là gì?

A. Tích tụ làm tăng quy mô của tư bản cá biệt và tư bản xã hội, tập trung tư bản không làm tăng quy mô tư bản xã hội

B. **Nguồn gốc của tích tụ tư bản là từ giá trị thặng dư, nguồn gốc của tập trung tư bản là từ những tư bản có sẵn**

C. Tất cả các đáp án đều đúng

D. Tích tụ tư bản phản ánh mối quan hệ tư bản – lao động, tập trung tư bản thể hiện mối quan hệ cạnh tranh giữa các nhà tư bản với nhau

Câu 78. Xét vai trò của tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Mác chia tư bản thành

A. **Tư bản bất biến và tư bản khả biến**

B. Tư bản cố định và tư bản lưu động

C. Tư bản bất biến và tư bản lưu động

D. D. Tư bản khả biến và tư bản cố định

Câu 79. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là:

A. **Kéo dài thời gian của ngày lao động trong điều kiện thời gian lao động tất yếu không thay đổi.**

- B. Tiết kiệm chi phí sản xuất.
- C. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến.
- D. Kéo dài thời gian lao động tất yếu

Câu 80. Nhận định nào sai về giá trị sử dụng của hàng hóa

- ☒ A. GT sử dụng là phạm trù lịch sử
- B. Mỗi hàng hóa có thể có một hoặc nhiều giá trị sử dụng khác nhau
- C. GT sử dụng do cấu tạo vật chất của sản phẩm quy định
- D. GT sử dụng được phát hiện dần cùng với nhận thức của con người

Câu 81. Chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời sẽ:

- A. Thúc đẩy cạnh tranh
- ☒ B. Cạnh tranh trở nên gay gắt hơn
- C. Xóa bỏ mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa tư bản
- D. Xóa bỏ khủng hoảng kinh tế

Câu 82. Mô hình công nghiệp hóa của Liên Xô (cũ) là:

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nhẹ
- ☒ B. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng
- C. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế tạo
- D. Tất cả đều đúng

Câu 83. Quy luật giá trị có tác dụng

- ☒ A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động và phân hóa những người sản xuất
- B. Điều tiết sản xuất là lưu thông hàng hóa
- C. Cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động và phân hóa những người sản xuất
- D. Điều tiết sản xuất phân hóa giàu nghèo

Câu 84. Sự hao phí sức lực của người sản xuất hàng hóa mà không kể đến những hình thức cụ thể được phản ánh trong phạm trù nào sau đây?

- A. Lao động cụ thể
- B. Lao động giản đơn
- ☒ C. Lao động trừu tượng
- D. Lao động phức tạp

Câu 85. Bản chất của tiền công TBCN là giá cả sức lao động. Đó là loại tiền công gì?

- ☒ A. Tiền công danh nghĩa
- B. Tiền công theo sản phẩm
- C. Tiền công thực tế
- D. Tiền công theo thời gian

Câu 86. Theo quan điểm của Marx, khi nào tiền trở thành tư bản?

- A. Có được lượng tiền tệ lớn để kinh doanh ✗
- B. Dùng tiền để mua rẻ, bán đắt (bán ~~mắc~~) ✗
- ☒ C. Dùng tiền để bóc lột sức lao động của người khác
- D. Dùng tiền để mua hàng hóa tiêu dùng cá nhân ✗

Câu 87. Thuộc tính nào của hàng hóa sức lao động được xem là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản?

- ☒ A. Thuộc tính giá trị sử dụng }
- B. Thuộc tính giá trị
- C. Cả hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng
- D. Không thuộc tính nào

Câu 88. Lao động cụ thể là

- A. Lao động có thể ~~quan sát~~ được
- B. Những lao động không có trình độ ~~chuyên môn~~
- C. Hoạt động có mục đích của con người
- ☒ D. Lao động với một ngành nghề cụ thể, có mục đích riêng, có đối tượng lao động riêng, thao tác lao động và kết quả lao động riêng

Câu 89. Những biểu hiện chủ yếu của CNTB độc quyền ~~nhà nước~~ là gì?

- A. Sự kết hợp về mặt nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước
- B. Sự hình thành và phát triển của sở hữu tư bản độc quyền nhà nước
- C. Sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản
- ☒ D. **Tất cả các đáp án đều đúng**

Câu 90. Nhận định nào đúng về địa tô chênh lệch (xem lại)

- A. Là phần chênh lệch giữa giá cả sản xuất chung với giá trị cá biệt của sản phẩm
- B. **Tất cả các đáp án đều đúng**
- C. Địa tô chênh lệch phản ánh tình trạng độc quyền kinh doanh ruộng đất
- D. Nguồn gốc của địa tô chênh lệch là giá trị.

Câu 91. Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế gồm:

- A. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Địa vị của các chủ thể kinh tế trong QHSX
- C. Chính sách phân phối thu nhập chủ nhà nước và hội nhập quốc tế
- ☒ D. **Tất cả đều đúng**

Câu 92. Tư bản giả

Câu 93. Nhận định nào đúng về tư bản cố định và tư bản lưu động?

- A. Phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động dựa vào vai trò của tư bản trong việc sản xuất giá trị thặng dư
- ☒ B. **Phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động dựa vào đặc điểm chu chuyển giá trị của tư bản; tư bản cố định được khấu hao từng phần, tư bản lưu động lưu thông toàn bộ cùng sản phẩm**

- C. Tư bản cố định chu chuyển toàn bộ giá trị của nó một lần vào trong giá trị sản phẩm, tư bản lưu động chu chuyển giá trị của nó vào trong giá trị sản phẩm qua nhiều chu kỳ sản xuất khác nhau
- D. Tư bản lưu động có tốc độ chu chuyển chậm hơn tư bản cố định

Câu 94. Cấu thành lượng giá trị hàng hóa sức lao động bao gồm:

- A. Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết đáp ứng về vật chất và tinh thần cho bản thân và con cái của người lao động, chi phí đào tạo công nhân**
- B. Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết để đáp ứng nhu cầu của bản thân người lao động
- C. Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho bản thân công nhân và chi phí đào tạo công nhân
- D. Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết đáp ứng về vật chất và tinh thần cho bản thân người lao động và chi phí đào tạo họ

Câu 95. Nhận định nào đúng về giá cả hàng hóa?

- A. Là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị**
- B. Xoay xung quanh giá trị hàng hóa
- C. Luôn phản ánh đúng giá trị hàng hóa
- D. Giá cả có thể cao hơn thấp hơn hoặc bằng giá trị